

Số: **44** /2019/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **31** tháng **12** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Quy định danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định chưa đủ tiêu chuẩn nhận biết là tài sản cố định thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 332/TTr-STC ngày 19 tháng 12 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định chưa đủ tiêu chuẩn nhận biết là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Khuyến khích các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội áp dụng các quy định tại Quyết định này.

Điều 2. Danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định chưa đủ tiêu chuẩn nhận biết là tài sản cố định thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Kạn như sau:

1. Phụ lục số 01: Danh mục tài sản cố định đặc thù.

2. Phụ lục số 02: danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định chưa đủ tiêu chuẩn nhận biết là tài sản cố định.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ quản lý chuyên ngành có trách nhiệm thường xuyên cập nhật và đề xuất với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc sửa đổi, bổ sung danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn đối với tài sản cố định tại Điều 2 Quyết định này.

2. Các tổ chức, cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản cố định căn cứ các nội dung quy định tại quyết định này thực hiện việc ghi sổ kế toán, hoạch toán theo dõi và quản lý tài sản theo đúng quy định.

3. Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai và theo dõi thực hiện quy định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 01 năm 2020.

Điều 5. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các doanh nghiệp được nhà nước giao tài sản cố định để quản lý không tính thành phần vốn nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- LĐVP;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu VT, KTTCKT, NCPC (Hiện).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

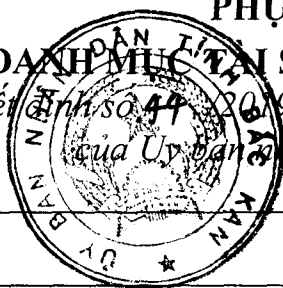


★ Lý Thái Hải

PHỤ LỤC SỐ 01

DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ĐẶC THÙ

(Kèm theo Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)



STT	Danh mục
Loại 1	Di tích được xếp hạng
-	Di tích cấp quốc gia đặc biệt
-	Di tích cấp quốc gia
-	Di tích cấp tỉnh
Loại 2	Cổ vật, hiện vật trưng bày tại Bảo tàng tỉnh
-	Hiện vật thời kỳ tiền, sơ sử
-	Hiện vật thời kỳ lịch sử trung đại
-	Hiện vật thời kỳ lịch sử cách mạng và kháng chiến
-	Hiện vật dân tộc học
-	Bản gốc các công trình nghiên cứu, sưu tầm, tác phẩm văn học nghệ thuật của các tác giả là người ở tỉnh Bắc Kạn hoặc viết về đất và người Bắc Kạn



PHỤ LỤC SỐ 02

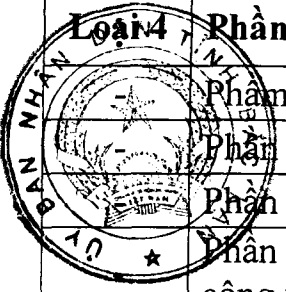


**QUY ĐỊNH DANH MỤC, THỜI GIAN SỬ DỤNG VÀ TỶ LỆ TÍNH
HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

*(Kèm theo Quyết định số **44** /2019/QĐ-UBND ngày **31** tháng **12** năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

STT	DANH MỤC	THỜI GIAN SỬ DỤNG (năm)	TỶ LỆ HAO MÒN (% năm)
A	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH		
Loại 5	Máy móc, thiết bị		
1	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến		
-	Máy tính để bàn	5	20
-	Máy tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	5	20
-	Máy in	5	20
-	Máy fax	5	20
-	Tủ đựng tài liệu	5	20
-	Máy scan	5	20
-	Máy hủy tài liệu	5	20
-	Máy photocopy	5	20
-	Bộ bàn ghế ngồi làm việc trang bị cho các chức danh	10	10
-	Bộ bàn ghế họp	8	12.5
-	Bộ bàn ghế tiếp khách	8	12.5
-	Máy điều hòa không khí	5	20
-	Quạt	5	20
-	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến khác	5	20
2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị		
-	Máy chiếu	5	20
-	Thiết bị lọc nước	5	20
-	Máy hút ẩm, hút bụi	5	20
-	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	5	20

-	Máy ghi âm	5	20
-	Máy ảnh	5	20
-	Thiết bị âm thanh	5	20
-	Tổng đài điện thoại, máy bộ đàm	5	20
-	Thiết bị thông tin liên lạc khác	5	20
-	Tủ lạnh, máy làm mát	5	20
-	Máy giặt	5	20
-	Máy phát wifi	4	25
-	Thiết bị mạng, truyền thông	5	20
-	Thiết bị điện văn phòng	5	20
-	Thiết bị điện tử phục vụ quản lý, lưu trữ dữ liệu	5	20
-	Thiết bị truyền dẫn	5	20
-	Camera giám sát	8	12.5
-	Máy bơm nước	8	12.5
-	Kết sắt	8	12.5
-	Bàn ghế hội trường	8	12.5
-	Tủ, giá kệ đựng tài liệu hoặc trưng bày hiện vật	8	12.5
-	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung khác	8	12.5
3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng		
-	Máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ công thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo	8	12.5
-	Máy móc, thiết bị khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, đơn vị	8	12.5
4	Máy móc, thiết bị khác	8	12.5
B	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH		
Loại 1	Quyền tác giả		
-	Tác phẩm sân khấu, điện ảnh	25	4
-	Quyền tác giả khác	25	4



Loại 4	Phần mềm ứng dụng		
	Phần mềm kế toán	5	20
	Phần mềm quản lý tài sản cố định	5	20
	Phần mềm tuyển sinh	5	20
	Phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc	5	20
-	Phần mềm CAD/CAM/CNC	5	20
-	Phần mềm thiết kế cơ khí	5	20
-	Phần mềm auto CAD	5	20
-	Phần mềm chấm điểm tự động sát hạch lái xe hạng A1	5	20
-	Phần mềm ứng dụng khác	8	12.5
Loại 5	Tài sản cố định vô hình khác	5	20

